

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY
Số/No.: 12c/2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Tây Ninh, ngày 06 tháng 08 năm 2025
Tay Ninh, August 06th, 2025

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION

V/v: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán
Re: Issuing Regulations on organization and operation of the Audit Committee

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THE BOARD OF DIRECTORS
THANH THANH CONG – BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành/Pursuant to the current Law on Enterprises;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa/Pursuant to the Charter of Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 11/2025/BBKP-HĐQT ngày 06/08/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa/Pursuant to the Vote Counting Minutes No. 11/2025/BBKP-HĐQT dated August 06th, 2025 of the Board of Directors of Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company.

QUYẾT NGHỊ/RESOLVE:

Điều 1. /Article 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán./Attached to this Resolution is the Regulations on organization and operation of the Audit Committee.

Điều 2. /Article 2: Giao Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty./Assign the Internal Audit Department to be responsible for implementing, organizing and supervising the implementation of the Regulations on organization and operation of the Audit Committee in accordance with legal regulations and the Company's Charter.

Điều 3. /Article 3: Hiệu lực thi hành/Effectiveness

3.1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./This Resolution shall take effect from the date of signing.



3.2. Thành viên HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./
Members of the Board of Directors, the Audit Committee and related units and individuals of the Company are responsible for organizing and implementing the contents of this Resolution.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
OBO. THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRLADY OF THE BOARD OF DIRECTORS

Nơi nhận/Recipients:

- Như Điều 3 (để thực hiện)/As Article 3 (for implementation);
- HĐQT (để báo cáo)/BOD (for reporting);
- Ủy ban Kiểm toán (để biết)/Audit Committee (for acknowledgement);
- Lưu: Thư ký Công ty/Archived: Corporate Secretary.



ĐẶNG HUỲNH ỨC MY



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Vai trò của Ủy ban kiểm toán	2
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán	2
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN	3
Điều 6. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban kiểm toán	3
Điều 7. Nhiệm kỳ, số lượng và điều kiện thành viên của Ủy ban kiểm toán	4
Điều 8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của Ủy ban kiểm toán	5
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	5
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán	6
Điều 11. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	6
Điều 12. Chế độ làm việc và tương tác	7
Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo	7
Điều 14. Mối quan hệ giữa Ủy ban kiểm toán và Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Mối quan hệ với các Ủy ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị	8
Điều 16. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc/ Ban điều hành Công ty	8
Điều 17. Mối quan hệ với Người quản lý, Người điều hành của các Đơn vị thành viên	8
Điều 18. Mối quan hệ với Phòng Kiểm toán nội bộ	9
Điều 19. Mối quan hệ với cổ đông	9
Điều 20. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán	9
Điều 21. Tổ chức thực hiện	10

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ủy ban kiểm toán, Người quản lý, Người điều hành của Công ty và các Đơn vị thành viên có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chiến lược: là Chiến lược phát triển của Công ty được cấp thẩm quyền của Công ty thông qua trong từng thời kỳ.
2. Quy định nội bộ: là tập hợp các chủ trương, chính sách, các quy chế, quy định, quy trình và các hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ của Công ty.
3. KTNB: là viết tắt của Kiểm toán nội bộ.
4. KSNB: là viết tắt của Kiểm soát nội bộ.
5. QLRR: là viết tắt của Quản lý rủi ro.
6. “Quy chế này” là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
7. Các từ và thuật ngữ viết tắt đã được định nghĩa trong *Luật Doanh nghiệp*; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; *Điều lệ Công ty*; *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty*; *Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT* (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh), sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 4. Vai trò của Ủy ban kiểm toán

UBKT là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐQT, có trách nhiệm giám sát, rà soát, theo dõi và đánh giá các hoạt động liên quan đến QLRR, KSNB và KTNB theo quy định pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Tổ chức và hoạt động của UBKT phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

1. UBKT báo cáo trực tiếp với HĐQT và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật.
2. UBKT làm việc theo nguyên tắc tập trung và thống nhất cao trong tập thể, kết hợp với sự quản lý và điều phối từ Chủ tịch UBKT, đề cao trách nhiệm của các thành viên UBKT.
3. UBKT quyết định các vấn đề thông qua cuộc họp UBKT, hình thức họp được quy định tại Điều 11 Quy chế này.
4. UBKT bảo đảm sự phối hợp với Người quản lý, Người điều hành của Công ty và các ĐVTV trong tiến trình thực hiện các chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của UBKT.

5. Thành viên UBKT thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên UBKT.
6. Thành viên UBKT không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ phi tuân thủ theo yêu cầu pháp luật.
7. Thành viên UBKT phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các quan điểm/ kết luận của mình.
8. Thành viên UBKT giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và Điều lệ, bảo đảm kịp thời, chất lượng và hiệu quả. Công việc của thành viên UBKT không làm giảm trách nhiệm cá nhân của thành viên HĐQT liên quan đến các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.
9. Các đơn vị và cá nhân liên quan phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của UBKT.

CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 6. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Chỉ đạo, giám sát hoạt động của Phòng KTNB của Công ty; tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng và phát triển Phòng KTNB, bao gồm bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng KTNB, phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Phòng KTNB, theo dõi và báo cáo HĐQT về hoạt động và mức độ trưởng thành của Phòng KTNB.
3. Giám sát nhằm đảm bảo Công ty và các ĐVTV tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
4. Giám sát và đánh giá hệ thống KSNB và QLRR của Công ty.
5. Rà soát (thông qua KTNB) giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
6. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua.
7. Theo dõi và đánh giá (thông qua KTNB) sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
8. Giám sát Người quản lý, Người điều hành của Công ty và các ĐVTV trong việc thực thi trách nhiệm khắc phục các vấn đề trong báo cáo kết quả kiểm toán của KTNB.
9. Giám sát và đánh giá độc lập các chính sách QLRR, đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động Công ty.
10. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty và các ĐVTV, trao đổi với Người quản lý, Người điều hành của Công ty và các ĐVTV để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.

11. Được quyền sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán và các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết để thực hiện chức năng và trách nhiệm của UBKT.
12. Xây dựng và cập nhật *Quy chế tổ chức hoạt động của UBKT* và trình HĐQT thông qua.
13. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành của Công ty hoặc các ĐVTV không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty hoặc ĐVTV.
14. Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Điều 7. Nhiệm kỳ, số lượng và điều kiện thành viên của Ủy ban kiểm toán

1. Cơ cấu UBKT, số lượng và nhiệm kỳ của thành viên UBKT do HĐQT quyết định phù hợp với yêu cầu về quản trị công ty và KTNB trong từng giai đoạn chiến lược của Công ty.
2. UBKT có từ 02 thành viên trở lên và đảm bảo số thành viên độc lập HĐQT tối thiểu theo Quy định của Điều lệ Công ty; các thành viên khác phải là thành viên HĐQT không điều hành. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập HĐQT.
3. Thành viên UBKT phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của Công ty hoặc các ĐVTV;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc các ĐVTV trong 03 năm liền trước đó;
 - c. Là người đang làm việc cho Công ty hoặc các ĐVTV; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc các ĐVTV ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - d. Là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty hoặc ĐVTV, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - e. Là người có mối quan hệ vợ chồng, con cái, anh chị em ruột hoặc nuôi với cổ đông lớn, người quản lý, người điều hành của Công ty hoặc các ĐVTV;
 - f. Là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc các ĐVTV;
 - g. Là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty hoặc các ĐVTV ít nhất trong 05 năm liền trước đó;
 - h. Chưa tham gia các khóa đào tạo về UBKT, KTNB, KSNB hoặc QLRR, và không có giấy xác nhận đã tham dự các khóa đào tạo này;
 - i. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Chủ tịch UBKT ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn thành viên UBKT nêu trên, còn phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Tiền lương/ thù lao và chi phí hoạt động UBKT, bao gồm cả việc nâng cao năng lực của thành viên UBKT thực hiện theo quyết định của HĐQT.

Điều 8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của Ủy ban kiểm toán

1. Việc bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên UBKT phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT.
2. Nếu phát sinh thành viên UBKT từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT hoặc vì bất kỳ lý do nào khác dẫn đến việc khuyết/ thiếu giảm số lượng thành viên UBKT xuống dưới số lượng thành viên tối thiểu hoặc việc khuyết/thiếu thành viên đó dẫn đến tình trạng không đảm bảo tiêu chí số lượng thành viên độc lập HĐQT của UBKT theo Điều lệ Công ty thì:
 - HĐQT sẽ bầu bổ sung Thành viên UBKT và Chủ tịch UBKT (nếu vị trí khuyết/ thiếu là Chủ tịch UBKT) từ các thành viên HĐQT độc lập còn lại, trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày vị trí của Thành viên UBKT đó bị khuyết.
 - Nếu không còn thành viên độc lập HĐQT để thay thế, HĐQT phải bổ nhiệm Thành viên UBKT và Chủ tịch UBKT trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi ĐHCĐ bầu bổ sung thành viên theo quy định pháp luật và Điều lệ.
3. HĐQT miễn nhiệm thành viên UBKT trong trường hợp:
 - a. Thành viên UBKT đó không còn đáp ứng bất kỳ tiêu chuẩn hoặc điều kiện nào nêu tại Điều 7 của Quy chế này;
 - b. Có đơn từ nhiệm của chính thành viên UBKT đó;
 - c. Có kiến nghị của Chủ tịch UBKT; hoặc
 - d. Theo quyết định của HĐQT.
4. HĐQT bãi nhiệm thành viên UBKT trong trường hợp:
 - a. Thành viên UBKT đó vi phạm pháp luật hoặc Quy định nội bộ của Công ty, và gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;
 - b. Thành viên UBKT đó không tham gia hoạt động của UBKT liên tục trong sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - c. Theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên UBKT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm vẫn chịu trách nhiệm đối với mọi công việc và quyết định đã thực hiện trong thời gian đương nhiệm.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

1. Xây dựng chương trình và kế hoạch hoạt động của UBKT.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho các cuộc họp UBKT hoặc khi lấy ý kiến thành viên UBKT bằng văn bản.
3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của UBKT.
4. Tổ chức và giám sát thực hiện các quyết định của UBKT.
5. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên UBKT.
6. Đại diện cho UBKT tham dự các cuộc họp, cuộc trao đổi với HĐQT, Ban TGD, các Ủy ban, Tiểu Ban, Ban khác thuộc HĐQT, cũng như với các công ty con thuộc nhóm Công ty.
7. Kiến nghị HĐQT miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên UBKT.

8. Ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho thành viên UBKT hoặc chủ thể khác thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo nghị quyết của HĐQT, Quy chế này và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán

1. Hỗ trợ Chủ tịch UBKT trong việc triển khai mọi hoạt động của UBKT.
2. Phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong UBKT để hoàn thành nhiệm vụ chung.
3. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các công việc do Chủ tịch UBKT phân công.
4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp và trao đổi của UBKT.
5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của UBKT và các quy định nội bộ Công ty.

Điều 11. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. UBKT phải họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo quy định của pháp luật theo từng thời kỳ; cuộc họp hàng quý phải được diễn ra trước cuộc họp định kỳ của HĐQT. Cuộc họp được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên tham dự.
 - a. Cuộc họp UBKT do Chủ tịch UBKT triệu tập và chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trong trường hợp Chủ tịch UBKT vắng mặt, các thành viên UBKT còn lại tham dự phiên họp (đủ điều kiện về số lượng thành viên tham dự) phải bầu ra một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp của UBKT.
 - c. Trong trường hợp cần thiết, thành viên UBKT đề nghị Chủ tịch UBKT triệu tập cuộc họp, nếu Chủ tịch UBKT không triệu tập cuộc họp sau 02 lần đề nghị trong vòng 15 ngày thì thành viên UBKT được quyền triệu tập và chủ tọa cuộc họp.
2. Thành phần tham gia cuộc họp do người triệu tập cuộc họp quyết định, có thể mở rộng với sự tham gia của Người điều hành có liên quan, chuyên gia, nhà tư vấn nhưng phải thông báo trước cho các thành viên UBKT còn lại.
3. Cuộc họp của UBKT có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp qua điện thoại hoặc các hình thức họp khác nhưng phải đảm bảo các thành viên khác của UBKT có thể phát biểu ý kiến độc lập, khách quan và được bảo lưu ý kiến của mình.
4. Thông báo mời họp, chương trình và tài liệu nghiên cứu trước (nếu có) phải được gửi đến các người dự họp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên UBKT, người được mời dự họp (nếu có) có thể kiến nghị người triệu tập cuộc họp bổ sung vào chương trình cuộc họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng, cần thiết.
5. Quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên UBKT dự họp tán thành. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch UBKT. Trong trường hợp không có Chủ tịch UBKT tham dự mà có số phiếu ngang nhau thì quyết định không được thông qua.
6. Các nội dung được thông qua trong cuộc họp đều phải lập chi tiết, rõ ràng và lưu trữ trong các biên bản họp. Biên bản họp phải có chữ ký của người chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản cuộc họp.

7. Sau cuộc họp, người ghi biên bản cuộc họp có trách nhiệm chuyển biên bản họp này cho các thành viên UBKT tham dự cuộc họp và Thư ký Công ty/ Người phụ trách quản trị công ty. Những biên bản họp sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được thông qua trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày chuyển đi.

Điều 12. Chế độ làm việc và tương tác

1. Các thành viên UBKT làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của UBKT và chuẩn bị nội dung báo cáo phần việc được phân công.
2. Các thành viên UBKT có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt chức năng và trách nhiệm của UBKT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch UBKT là người quản lý và điều phối hoạt động của UBKT nhưng không có quyền chỉ phối chuyên môn của các thành viên UBKT.
4. Chủ tịch UBKT định kỳ hoặc đột xuất làm việc với thành viên UBKT để nghe báo cáo tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của UBKT và những nhiệm vụ mà thành viên UBKT đó phụ trách.
5. Các thành viên UBKT chủ động và tích cực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với nhau và với Người quản lý, Người điều hành Công ty và các ĐVTV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo

UBKT thực hiện báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ:

1. UBKT thực hiện báo cáo các hoạt động của UBKT cho HĐQT định kỳ ít nhất mỗi năm 02 lần, vào giữa năm và kết thúc năm tài chính và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT hoặc thông tin về hoạt động hàng quý.
2. UBKT có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Tổng kết các cuộc họp của UBKT và các kết luận, kiến nghị của UBKT;
 - b. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - c. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ, với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp khác mà thành viên HĐQT, TGD, người điều hành của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp khác đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống KSNB và QLRR của Công ty và các ĐVTV;
 - f. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành của Công ty;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, TGD và các cổ đông của Công ty;
 - h. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT;



i. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 14. Mối quan hệ giữa Ủy ban kiểm toán và Hội đồng quản trị

1. HĐQT có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp nguồn lực cho UBKT thực hiện các chức năng và trách nhiệm của mình một cách độc lập, khách quan và minh bạch.
2. HĐQT phê duyệt và ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động Ủy ban kiểm toán, Quy chế Kiểm toán nội bộ*, Kế hoạch KTNB hàng năm của Công ty theo đề nghị của UBKT.
3. Các thành viên HĐQT phải cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến kết quả hoạt động theo yêu cầu của UBKT, đồng thời phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
4. Các thành viên UBKT có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào các nội dung được đưa ra thông qua trong cuộc họp.
5. HĐQT có thể tham gia cuộc họp định kỳ của UBKT nhưng phải có thông báo trước cho các thành viên UBKT.

Điều 15. Mối quan hệ với các Ủy ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị

1. UBKT là một cơ cấu trực thuộc HĐQT và có mối quan hệ độc lập với các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT.
2. UBKT có sự tương tác, phối hợp chặt chẽ và trao đổi thông tin với các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT trên cơ sở thực hiện các chức năng, trách nhiệm của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty nhưng vẫn đảm bảo không suy giảm tính độc lập, khách quan của UBKT.

Điều 16. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc/ Ban điều hành Công ty

1. UBKT là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của TGD/ Ban điều hành, có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành.
2. TGD/ Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi để UBKT thực hiện chức năng trách nhiệm của UBKT một cách độc lập khách quan, chỉ đạo các đơn vị phối hợp thực hiện kế hoạch KTNB đã được HĐQT phê duyệt để giảm thiểu rủi ro, nâng cao tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB và QLRR.
3. TGD/ Ban điều hành đơn đốc các đơn vị, ĐVTV thực hiện các kiến nghị đã thống nhất với UBKT và thông báo cho UBKT về tiến độ thực hiện và kết quả đã thực hiện. Trong trường hợp có vấn đề phát sinh dẫn đến sự thay đổi trong hoạt động và không thực hiện các kiến nghị đã thống nhất với UBKT, Ban điều hành phải thông báo đầy đủ và kịp thời cho UBKT.
4. Các nội dung UBKT lấy ý kiến của TGD/ Ban điều hành qua các phương tiện liên lạc chính thức, TGD/ Ban điều hành phải phản hồi trong thời gian hợp lý.

Điều 17. Mối quan hệ với Người quản lý, Người điều hành của các Đơn vị thành viên

UBKT là đơn vị giám sát việc thực hiện các mục tiêu chung của Công ty và các ĐVTV, bao gồm và không giới hạn các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính, KSNB, giao dịch giữa Công ty và các ĐVTV v.v... UBKT có mối quan hệ độc lập với Người quản lý, Người điều hành của các ĐVTV.

Điều 18. Mối quan hệ với Phòng Kiểm toán nội bộ

1. Quản lý và giám sát hoạt động Phòng KTNB theo trách nhiệm được HĐQT giao.
2. Phê duyệt kế hoạch hành động hàng năm của KTNB về việc điều chỉnh/ bổ sung kế hoạch hành động (nếu có).
3. Phê duyệt các cuộc kiểm toán đột xuất để Phòng KTNB thực hiện khi UBKT nhận thấy các rủi ro và là trường hợp khẩn cấp. UBKT báo cáo về các cuộc thực hiện kiểm toán đột xuất này cho HĐQT trong vòng 24 giờ kể từ khi phê duyệt.
4. Phê duyệt ngân sách và kế hoạch nguồn lực theo phân quyền/ trao quyền của HĐQT; ủy quyền cho Trưởng KTNB trong việc tuyển dụng nhân sự, lựa chọn khách mời KTNB phù hợp với hoạt động của Phòng KTNB.
5. Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác KTNB; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động của Phòng KTNB.
6. Đảm bảo công tác KTNB có vị trí thích hợp và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động của Phòng KTNB.
7. Báo cáo cho HĐQT về hoạt động của Phòng KTNB, bao gồm cả những vấn đề tồn tại, khó khăn và đề xuất giải pháp.
8. Phê duyệt các văn bản về phối hợp giữa Phòng KTNB với TGD/ Ban điều hành Công ty và các ĐVTV.

Điều 19. Mối quan hệ với cổ đông

1. UBKT thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo các yêu cầu hợp pháp và đúng trình tự của cổ đông; báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động Công ty thông qua các báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên hoặc bất thường.
2. UBKT có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu theo đúng trình tự quy định.

Điều 20. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Định kỳ hằng năm, trước khi kết thúc năm tài chính hoặc trong trường hợp cần thiết khác, HĐQT đánh giá hiệu quả hoạt động của UBKT và các thành viên UBKT theo các tiêu chí:
 - a. Mức độ hoàn thành kế hoạch hoạt động của UBKT đã được HĐQT thông qua.
 - b. Hiệu quả và chất lượng hoạt động của UBKT và các thành viên UBKT đóng góp vào hiệu quả hoạt động Công ty.
 - c. Các tiêu chí khác theo quyết định của HĐQT.
2. Căn cứ vào kết quả đánh giá HĐQT xem xét:
 - a. Trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt các đề xuất tăng hoặc giảm chi phí hoạt động, thù lao/ tiền lương hoặc các lợi ích khác của UBKT và các thành viên UBKT (nếu có).
 - b. Miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên UBKT.
 - c. Thực hiện các biện pháp xử lý khác theo các quy định nội bộ của Công ty hoặc các thỏa thuận cụ thể giữa Công ty với các thành viên UBKT.



**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Mã số: TCBM/QC-08
Soát xét: 04
Hiệu lực: 06/08/2025

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên UBKT, Người quản lý, Người điều hành của Công ty và các ĐVTV có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.

